

TRI DUC

ELEVATOR



THANG MÁY TRÍ ĐỨC

Địa chỉ: Số 6, TT31, Khu Đô Thị Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội

Tel: 024.66.883.883 - Hotline: 0903.735.486

Website: thangmaytriduc.vn - Email: congtytriduc86@gmail.com





TOÀN CẢNH NHÀ MÁY SẢN XUẤT



TOÀN CẢNH NHÀ MÁY SẢN XUẤT

Công ty TNHH Sản Xuất Đầu Tư Trí Đức được thành lập theo giấy phép kinh doanh số 0109111332 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp.

Trụ sở: Số 6, TT31, Khu Đô Thị Văn Phú

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

- Chuyên sản xuất các loại thang máy như: Thang khách, thang gia đình, thang tải hàng, thang thức ăn, thang tải bệnh nhân, thang lồng kính. Loại thang có phòng máy và không phòng máy.
- Chuyên cung cấp lắp đặt phân phối chính thức các dòng thang máy hãng Mitsubishi nhập khẩu nguyên chiếc của các nước: Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc theo yêu cầu của khách hàng.

NĂNG LỰC SẢN XUẤT:

- Máy móc thiết bị nhập khẩu mới từ các nước: ĐỨC, NHẬT BẢN...
- + Máy chấn CNC (hiệu TRUMP - GERMANY)
- + Máy cắt laser (hiệu TRUMP GERMANY, hiệu MAZAK - JAPAN)
- Diện tích nhà máy: Tổng diện tích 30.000m²
- Khả năng sản xuất: 500 thang/tháng; số tầng: 30 tầng; tốc độ: 1-4m/s

NGUỒN NHÂN LỰC :

Với đội ngũ nhân viên hùng hậu đang làm việc tại 10 chi nhánh, văn phòng đại diện và 18 trung tâm dịch vụ khách hàng trên cả nước và đang được mở rộng, trong đó rất nhiều kỹ sư là chuyên gia hàng đầu của ngành thang máy Việt Nam.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN:

Chất lượng, kiểu dáng luôn là vấn đề mà công ty chúng tôi chú trọng phát triển và cải tiến. Áp dụng hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, với việc cải tiến liên tục hệ thống và sản phẩm, kiểm soát chặt chẽ ở tất cả các khâu từ lúc tư vấn, đặt hàng, thiết kế sản phẩm, sản xuất lắp đặt, vận hành đến bảo trì bảo dưỡng.

Công ty TNHH Sản Xuất Đầu Tư Trí Đức xin cảm ơn tất cả các khách hàng đã tin nhiệm, quan tâm và ủng hộ nhiệt tình nhiều năm qua. Đồng thời Công ty Sản Xuất Đầu Tư Trí Đức rất mong muốn được hợp tác và phục vụ các khách hàng đang có nhu cầu sử dụng và lắp đặt thang máy.

Công ty TNHH Sản Xuất Đầu Tư Trí Đức

Trần Trọng



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Luyện



Vinhomes Starcity Thanh Hóa



KS Đông Nam - Sầm Sơn



Office Building Lapho
Tây Nam, KĐT Linh Đàm



Nhà hàng Hồng Thanh - Sầm Sơn



Siêu thị tổng hợp - Hòa Bình



KĐT Văn Phú - Hà Đông



Nhà máy Valuetronics
KCN Thăng Long, Vĩnh Phúc



KĐT Geleximco Hà Đông



Vinhomes Riverside Long Biên



KĐT Nam Cường - Hà Đông



Vinhomes Oceanpark Gia Lâm



Huyện Ủy Phù Yên - Sơn La



KĐT Ecopark - Vườn Tùng



Biệt thự Mỹ Đình 2



KĐT Đô Nghĩa - Hà Đông



KS Phú Thăng - Long An



KS Bến Thành
Hải Hòa, Thanh Hóa



Office Building
85 Hoàng Quốc Việt



Máy Cắt Laser AMADA (Nhật Bản)



Máy Cắt Laser TRULASER 2030 (Đức)



Máy Cắt Laser BYSTRONIC (Thụy Sĩ)





Máy Chấn Bề
AMADA HS 2204



Máy Cắt Laser AMADA F0 MII 3015 NT



Máy V-CUT CNC COSMIC - DYCV III-4012

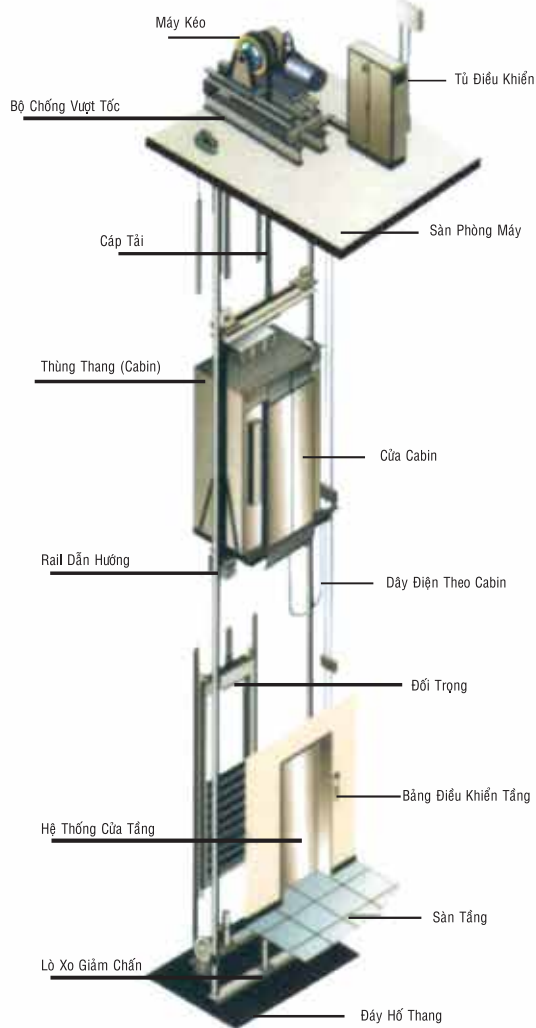
HỆ THỐNG THANG TẢI KHÁCH CÓ PHÒNG MÁY

TRI DUC

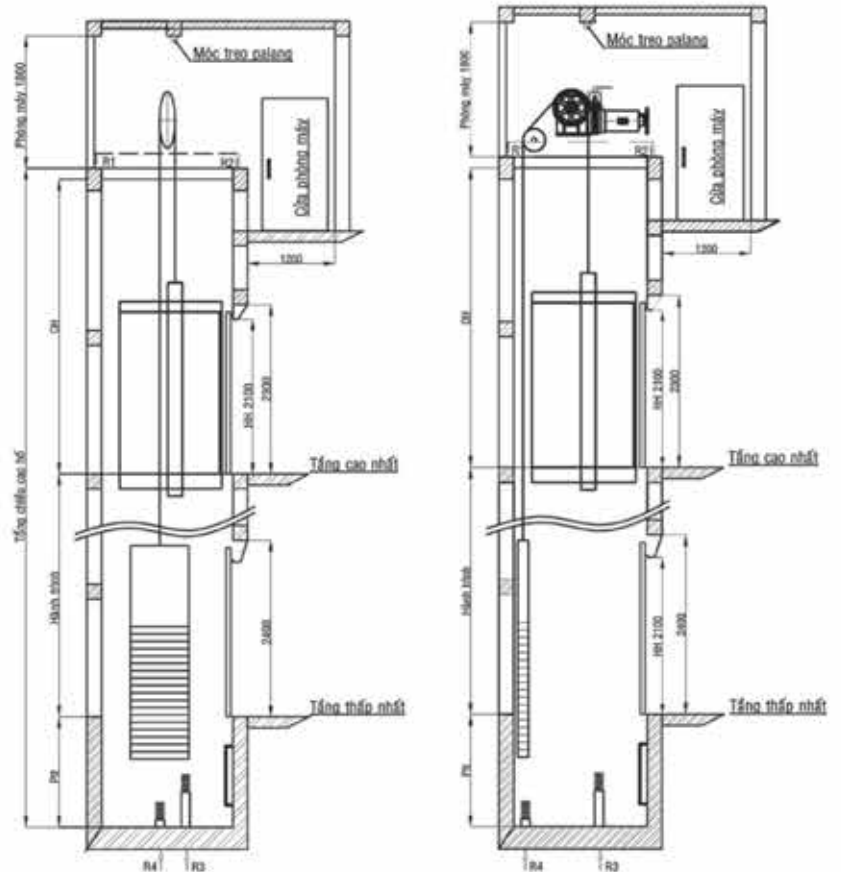
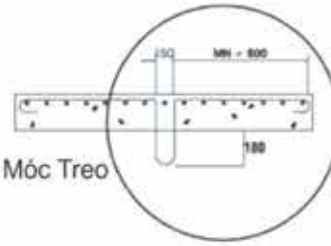
ELEVATOR

Tận tâm để vươn xa

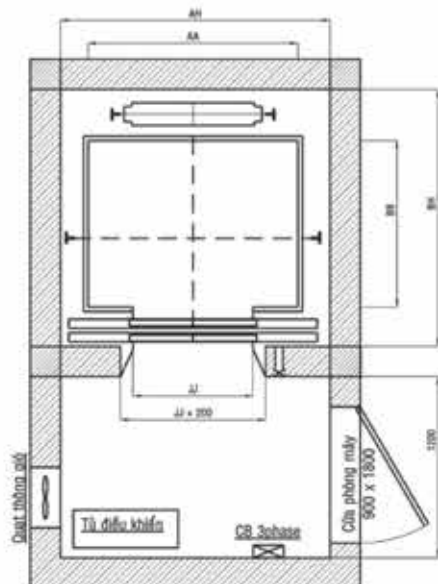
SƠ ĐỒ THANG TẢI KHÁCH CÓ PHÒNG MÁY



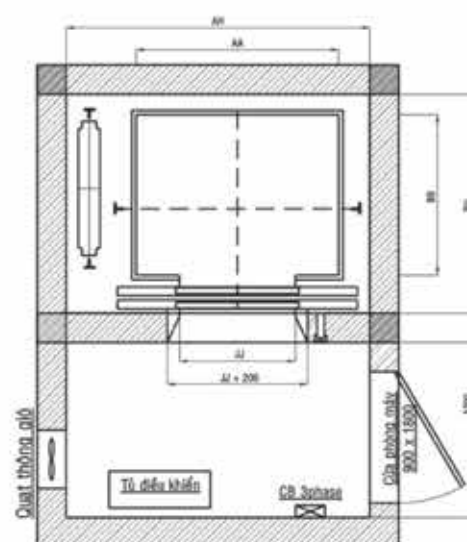
Chi Tiết Móc Treo



THANG TẢI KHÁCH ĐỐI TRỌNG PHÍA SAU



THANG TẢI KHÁCH ĐỐI TRỌNG BÊN HÔNG



BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG TẢI KHÁCH CÓ PHÒNG MÁY

TRI DUC

ELEVATOR

Tận tâm để vươn xa

ĐỐI TRỌNG ĐẶT PHÍA SAU

MÃ HIỆU	TẢI TRỌNG Kg	NGƯỜI	TỐC ĐỘ m/phút	KÍCH THƯỚC(mm)			
				Cửa mở JJ	Cabin AAxBB	Hố thang AHxBH	Oh/Pit
P4	350	4	60	700	1150x950	1550x1550	4200/1400
			90		1150x1000	1550x1600	4400/1500
P6	450	6	60	700	1200x1000	1600x1600	4200/1400
			90	750	1300x1000	1700x1600	4400/1500
				800	1400x1000	1800x1600	
P8	600	8	60	800	1400x1100	1800x1700	4400/1500
			90	850	1400x1200	1850x1800	4600/1600
				900	1500x1300	1950x1800	
P10	750	10	60	800	1400x1200	1800x1800	4400/1500
			90	850	1400x1300	1850x1900	4600/1600
				900	1500x1300	1950x1900	
P15	1000	15	60	900	1600x1500	2050x2100	4400/1500
			90	950	1700x1600	2150x2200	4600/1600
				1000	1800x1700	2250x2300	
P20	1500	20	60	1000	1800x1800	2300x2500	4400/1500
			90	1100	1900x1900	2400x2600	4600/1600
				1200	2100x2000	2600x2700	

ĐỐI TRỌNG ĐẶT BÊN HÔNG

MÃ HIỆU	TẢI TRỌNG Kg	NGƯỜI	TỐC ĐỘ m/phút	KÍCH THƯỚC(mm)			
				Cửa mở JJ	Cabin AAxBB	Hố thang AHxBH	Oh/Pit
P4	350	4	60	700	1150x950	1850x1300	4200/1400
			90		1150x1000	1850x1350	4400/1500
P6	450	6	60	700	1200x1000	1900x1350	4200/1400
			90	750	1300x1000	2000x1350	4400/1500
				800	1400x1000	2100x1350	
P8	600	8	60	800	1400x1100	2100x1450	4400/1500
			90	850	1400x1200	2100x1550	4600/1600
				900	1500x1300	2200x1650	
P10	750	10	60	800	1400x1200	2100x1550	4400/1500
			90	850	1400x1300	2150x1650	4600/1600
				900	1500x1300	2250x1650	
P15	1000	15	60	900	1600x1500	2350x1850	4400/1500
			90	950	1700x1600	2450x1950	4600/1600
				1000	1800x1700	2550x2050	
P20	1500	20	60	1000	1800x1800	2550x2150	4400/1500
			90	1100	1900x1900	2650x2250	4600/1600
				1200	2100x2000	2850x2350	

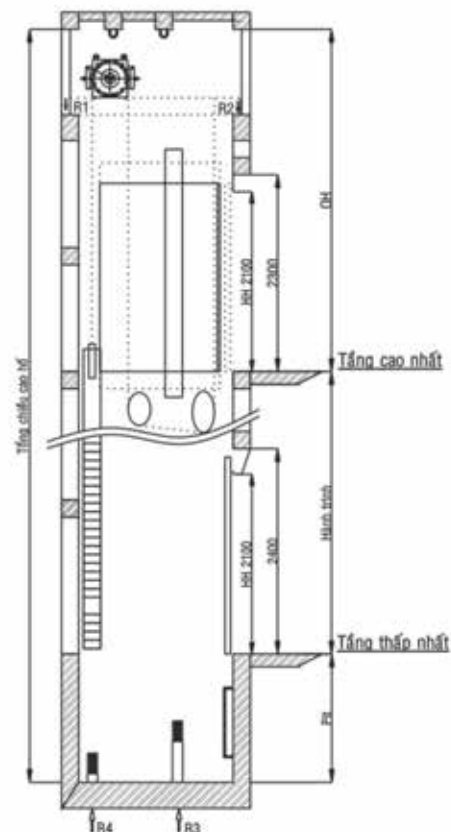
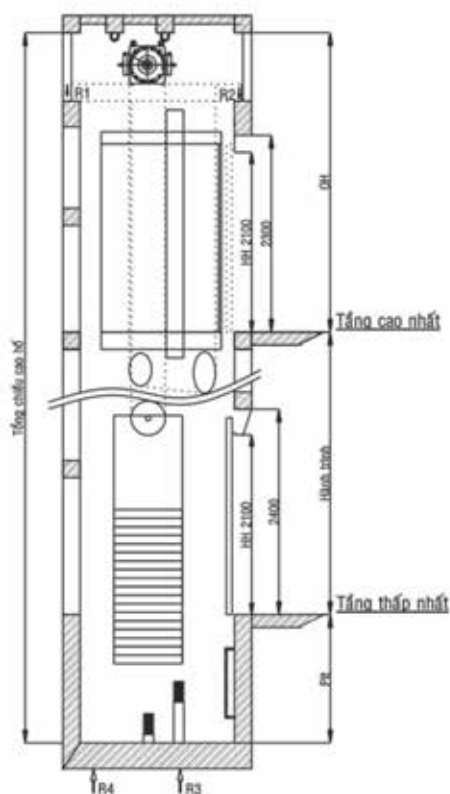
HỆ THỐNG THANG TẢI KHÁCH KHÔNG PHÒNG MÁY

TRI DUC

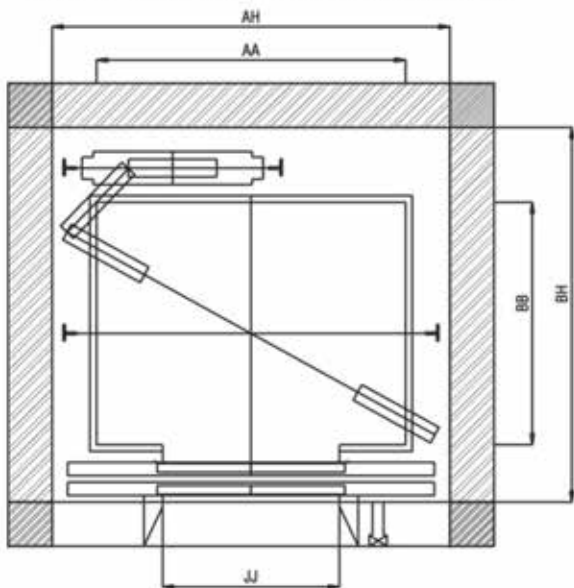
ELEVATOR

Tận tâm để vươn xa

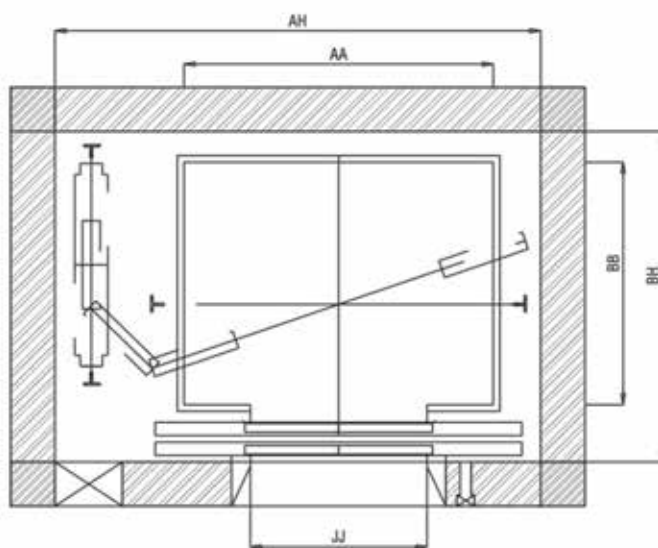
SƠ ĐỒ THANG TẢI KHÁCH KHÔNG PHÒNG MÁY



THANG TẢI KHÁCH ĐỐI TRỌNG PHÍA SAU



THANG TẢI KHÁCH ĐỐI TRỌNG BÊN HÔNG



ĐỐI TRỌNG ĐẶT PHÍA SAU

MÃ HIỆU	TẢI TRỌNG Kg	NGƯỜI	TỐC ĐỘ m/phút	KÍCH THƯỚC(mm)			
				Cửa mở JJ	Cabin AAxBB	Hố thang AHxBH	Oh/Pit
P4	350	4	60	700	1150x950	1550x1550	4200/1400
			90		1150x1000	1550x1600	4400/1500
P6	450	6	60	700	1200x1000	1600x1600	4200/1400
			90	750	1300x1000	1700x1600	4400/1500
				800	1400x1000	1800x1600	
P8	600	8	60	800	1400x1100	1800x1700	4400/1500
			90	850	1400x1200	1850x1800	4600/1600
				900	1500x1300	1950x1800	
P10	750	10	60	800	1400x1200	1800x1800	4400/1500
			90	850	1400x1300	1850x1900	4600/1600
				900	1500x1300	1950x1900	
P15	1000	15	60	900	1600x1500	2050x2100	4400/1500
			90	950	1700x1600	2150x2200	4600/1600
				1000	1800x1700	2250x2300	
P20	1500	20	60	1000	1800x1800	2300x2500	4400/1500
			90	1100	1900x1900	2400x2600	4600/1600
				1200	2100x2000	2600x2700	

ĐỐI TRỌNG ĐẶT BÊN HÔNG

MÃ HIỆU	TẢI TRỌNG Kg	NGƯỜI	TỐC ĐỘ m/phút	KÍCH THƯỚC(mm)			
				Cửa mở JJ	Cabin AAxBB	Hố thang AHxBH	Oh/Pit
P4	350	4	60	700	1150x950	1850x1300	4200/1400
			90		1150x1000	1850x1350	4400/1500
P6	450	6	60	700	1200x1000	1900x1350	4200/1400
			90	750	1300x1000	2000x1350	4400/1500
				800	1400x1000	2100x1350	
P8	600	8	60	800	1400x1100	2100x1450	4400/1500
			90	850	1400x1200	2100x1550	4600/1600
				900	1500x1300	2200x1650	
P10	750	10	60	800	1400x1200	2100x1550	4400/1500
			90	850	1400x1300	2150x1650	4600/1600
				900	1500x1300	2250x1650	
P15	1000	15	60	900	1600x1500	2350x1850	4400/1500
			90	950	1700x1600	2450x1950	4600/1600
				1000	1800x1700	2550x2050	
P20	1500	20	60	1000	1800x1800	2550x2150	4400/1500
			90	1100	1900x1900	2650x2250	4600/1600
				1200	2100x2000	2850x2350	



CB 01

Nội thất Cabin

Vách Cabin	Inox vân tóc
Bảng điều khiển	Inox vân tóc
Cửa Cabin	Inox vân tóc
Sàn	Đá Granrit
Tay vịn	Inox tròn Ø32mm
Trần Cabin	Inox gương và Mica

CB 02

Nội thất Cabin

Vách Cabin	Inox vân tóc xen Inox gương
Bảng điều khiển	Inox vân tóc
Cửa Cabin	Inox vân tóc, Inox gương
Sàn	Đá Granrit
Tay vịn	Inox tròn Ø32mm
Trần Cabin	Inox gương và Mica





Cabin gương hoa văn vàng
CB-03



Cabin gương hoa văn vàng
CB-04



Cabin: Tấm lớn ở giữa inox gương hoa văn
xen inox gương hai bên
CB-05



Cabin: Tấm lớn ở giữa inox gương hoa văn
xen inox gương hai bên
CB-06



Cabin: Tấm inox gương hoa văn lớn ở giữa
kết hợp inox sọc nhuyễn 2 bên

CB-07



Cabin: Tấm inox gương hoa văn lớn ở giữa
kết hợp inox sọc nhuyễn 2 bên

CB-08



Cabin: Inox gương kết hợp thép vân gỗ

CB-09



Cabin: Tấm inox gương lớn ở giữa
kết hợp thép vân gỗ 2 bên

CB-10



Cabin: Kính cường lực
khung xương inox sọc nhuyễn
CB-12



Cabin: Inox màu đồng
CB-13



Cabin: Kính cường lực hoa văn
kết hợp inox màu đồng
CB-14



Cabin: Kính cường lực
khung xương inox màu đồng
CB-15



Model: LD01

Narrow frame : Hairline stainless steel

Door : Hairline stainless steel

Khung cửa bản hẹp : Inox sọc nhẵn

Cánh cửa : Inox sọc nhẵn

LANDING DOOR OPTION

Cửa tầng lựa chọn

Model: LD02

Wide frame with transom

Cửa tầng khung bản rộng không có tấm trán



Model: LD03

Wide frame without transom

Cửa tầng khung bản rộng có tấm trán





LD04



LD05



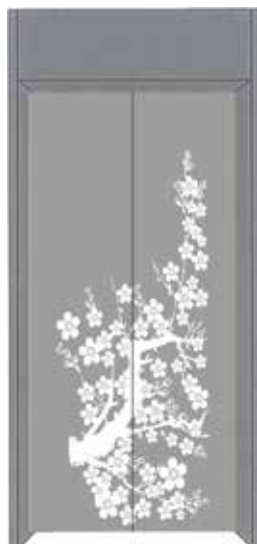
LD06



LD07



LD08



LD09



LD10



LD11



LD12



LD13



LD14



LD15



BT01



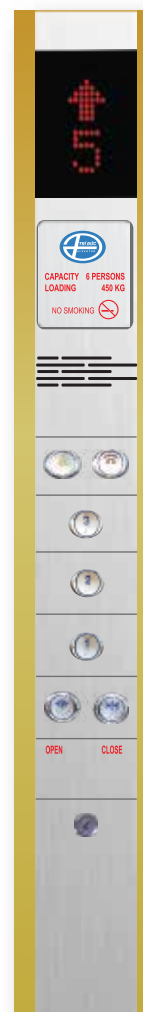
BT02



BT03



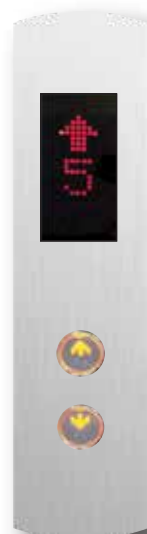
BT04



BT05



FB01



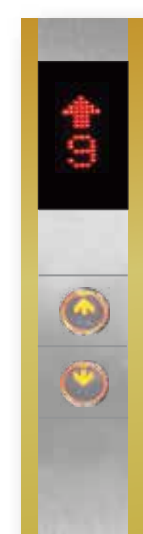
FB02



FB03



FB04



FB05

BUTTON CABIN

TRI DUC

ELEVATOR

Tận tâm để vươn xa



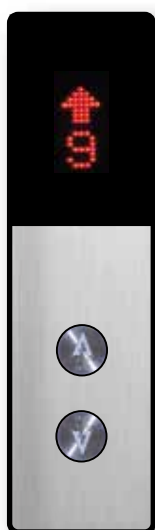
COP630



COP08



COP1020B



BXG262



LOP08



EH 1020B







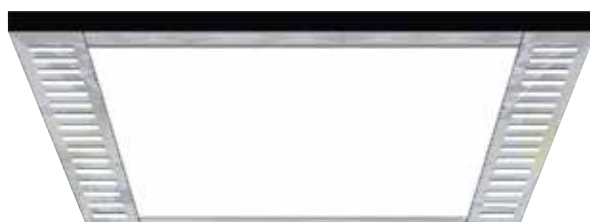
TA01



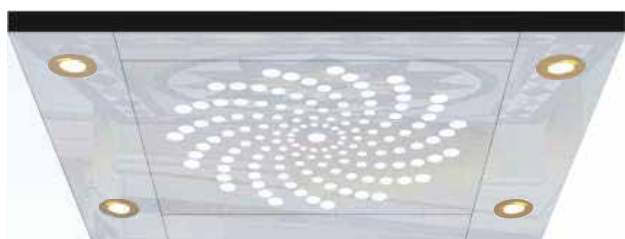
TA02



TA03



TA04



TA05



TA06



TA07



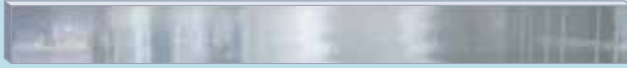
TA08



TA09



TA10



HS - H001



HS - H002 (Laminate)



HS - H003



HS - H006 (gỗ)



HS - H003G



HS - H007 (gỗ)



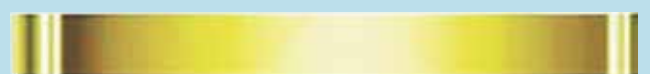
HS - 3H003



HS - H004



HS - 3H003G



HS - H004G

Sàn Cabin Đá Granite



Hồng Gia Lai



Đỏ Brazil



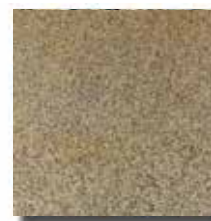
Đỏ Ấn Độ



Đỏ Nhân Tạo



Trắng Bình Định
(Núi Le)



Vàng Bình Định



Đen kim sa



Trắng Vân Mây



Xanh Napoli Ý



Đá ghép: Trắng sứ viền đen

Sàn Cabin Đá Hoa Văn



HS - GS001
1000x1000
1000x1200
1200x1200



HS - GS002
1000x1000
1000x1200
1200x1200



HS - GS003
1000x1000
1000x1200
1200x1200



HS - GS004-1.0
1000x1000
1000x1200



HS - GS004-1.2
1200x1200



HS - GS005
1000x1000
1000x1200



HS - GS006
1000x1000



HS - GS007
800x1200



GS008



GS009



GS010

GHI CHÚ: Kiểu đá hoa văn và màu sắc có thể thay đổi một ít theo từng đợt nhập hàng

MÁY KÉO MONTANARI, SẢN XUẤT TẠI Ý



MGX75



MGV25S



MGX80



M73

**MÁY KÉO NIPPON
SẢN XUẤT TẠI MALAYS**



FJD1 4.2KW - 8.0 KW

**MÁY KÉO FUJI
SẢN XUẤT TẠI MALAYSIA**



FJD1-B 4.2KW - 8.0 KW

MÁY KÉO MOTOR MITSUBISHI SẢN XUẤT TẠI THÁI LAN



MÁY KÉO TORIN CÔNG NGHỆ MỸ SẢN XUẤT TẠI TRUNG QUỐC



MÁY KÉO SHARP NHẬT BẢN SẢN XUẤT TẠI ẤN ĐỘ



SEG05



SEG10/20

MÁY KÉO ZIEHL ABEGG, SẢN XUẤT TẠI ĐỨC



SM200.15C/20C/30C/40C



SM200.40D



TỦ ĐIỆN PLC FX3G + VVVF YASKAWA
(W600 x D300 x H1260)



TỦ ĐIỆN FUJI - MALAYSIA
(W600 x D330 x H1150)



TỦ ĐIỆN NIPPON - NICE 3000
(W540 x D240 x H1100)



TỦ ĐIỆN STEP - TRUNG QUỐC



Homelift cửa mở tay
Khung sắt hộp

Thang kính
khung nhôm cường lực



Khung V
giằng lắp là



Khung tôn chấn
sơn tĩnh điện

Khung tôn chấn
sơn tĩnh điện

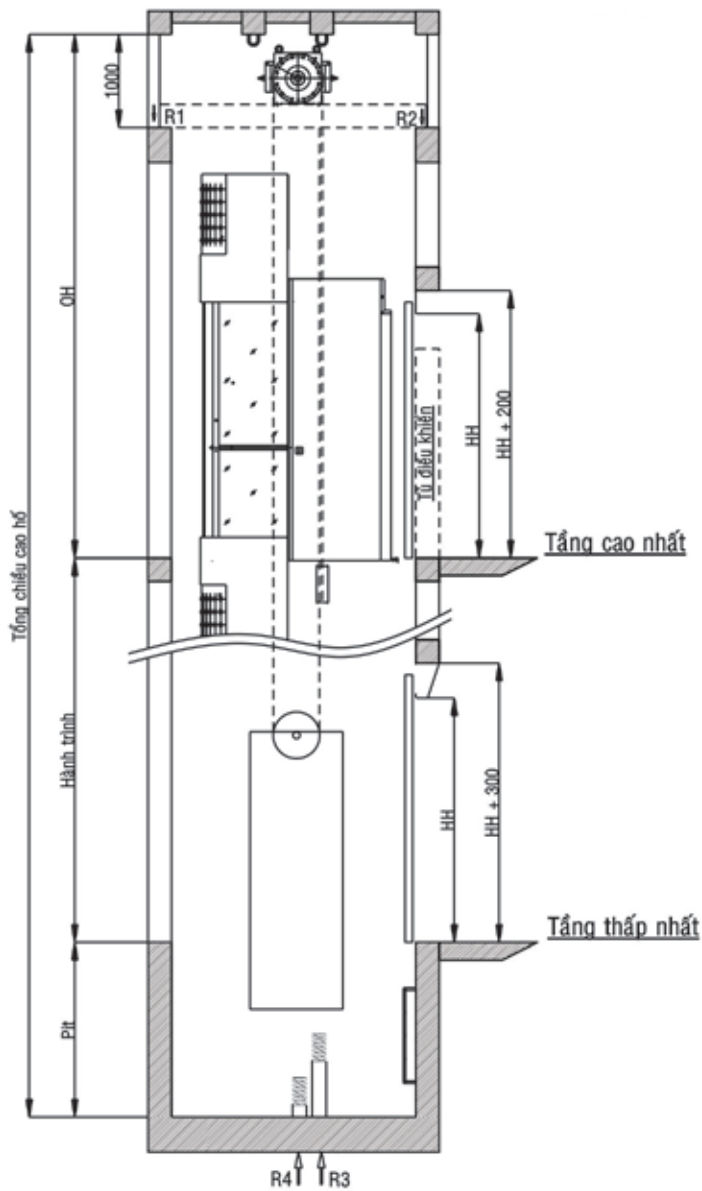


HỆ THỐNG THANG LỒNG KÍNH

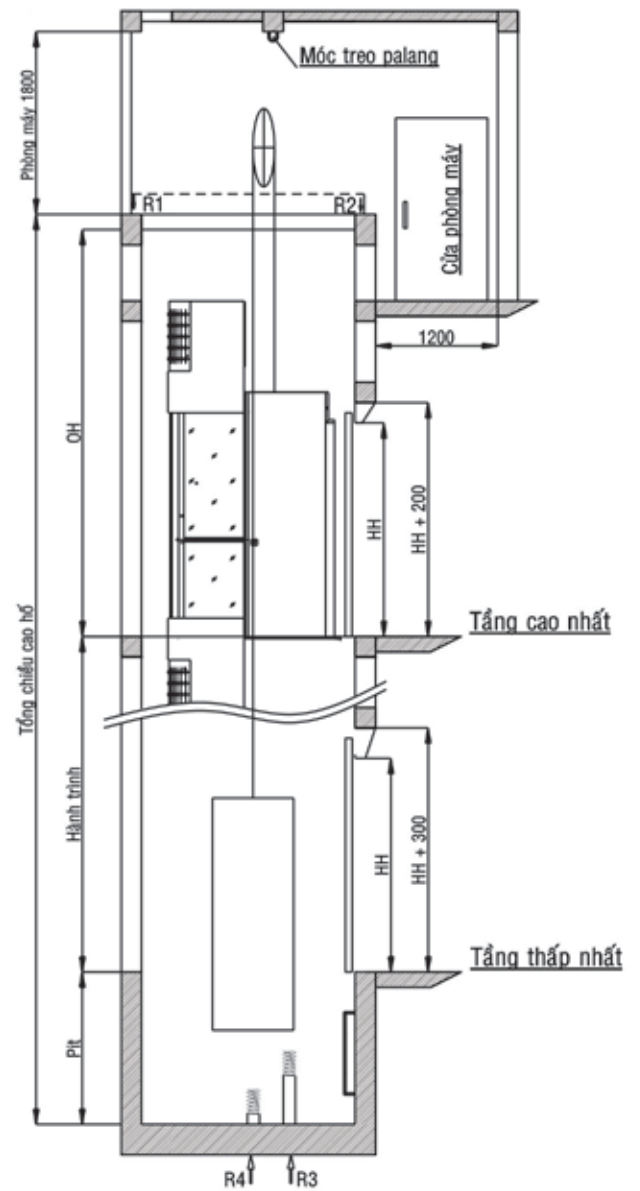
TRI DUC

ELEVATOR

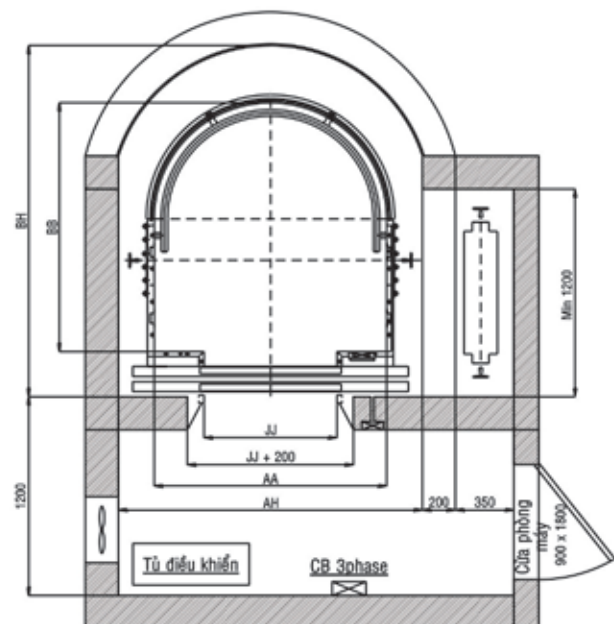
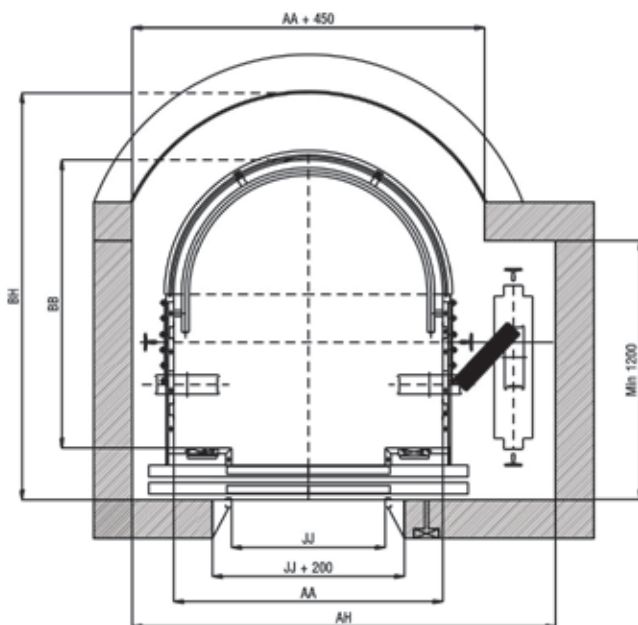
Tận tâm để vươn xa



Thang không phòng máy



Thang có phòng máy





HS-LK03



HS-LK08



HS-LK06

BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG LỒNG KÍNH CÓ PHÒNG MÁY

Mã HIỆU	TẢI TRỌNG Kg	NGƯỜI	TỐC ĐỘ m/phút	KÍCH THƯỚC (mm)			
				Cửa mở JJ x HH	Cabin AA x BB	Hố thang AH x BH	OH/Pit
P8	600	8	60	700 x 2100	1200 x 1200	1650 x 1600	4200/1500
			90				4400/1600
P10	750	10	60	800 x 2100	1400 x 1350	1850 x 2000	4200/1500
			90				4400/1600
P15	1000	15	60	800 x 2100	1400 x 1500	1850 x 2100	4200/1500
			90				4400/1600

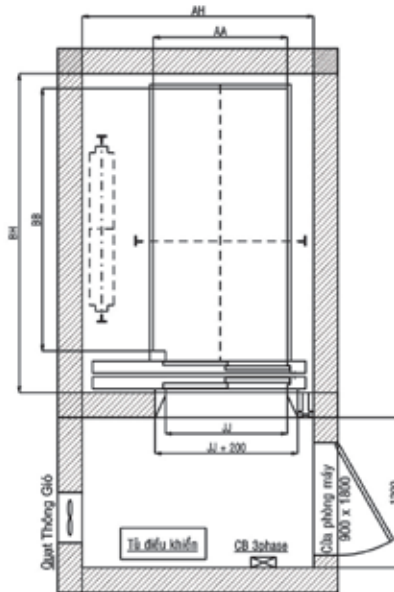
BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG LỒNG KÍNH KHÔNG PHÒNG MÁY

Mã HIỆU	TẢI TRỌNG Kg	NGƯỜI	TỐC ĐỘ m/phút	KÍCH THƯỚC (mm)			
				Cửa mở JJ x HH	Cabin AA x BB	Hố thang AH x BH	OH/Pit
P8	600	8	60	700 x 2100	1200 x 1200	2000 x 1800	4600/1500
			90				4800/1600
P10	750	10	60	800 x 2100	1400 x 1350	2200 x 2000	4600/1500
			90				4800/1600
P15	1000	15	60	800 x 2100	1400 x 1500	2200 x 2100	4600/1500
			90				4800/1600

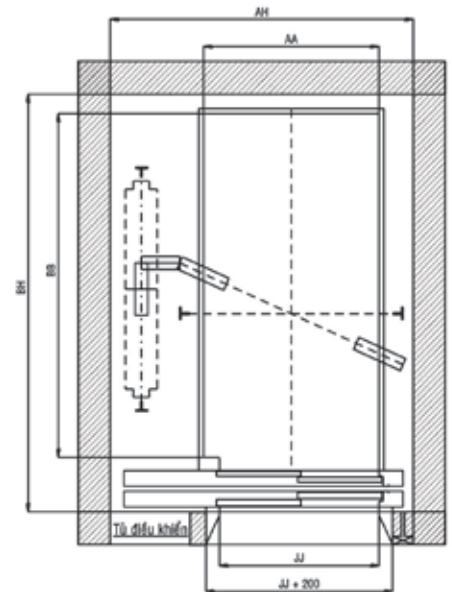
Thang tải hàng có người đi - 3000kg



Thang có phòng máy



Thang không phòng máy



THANG THỰC PHẨM





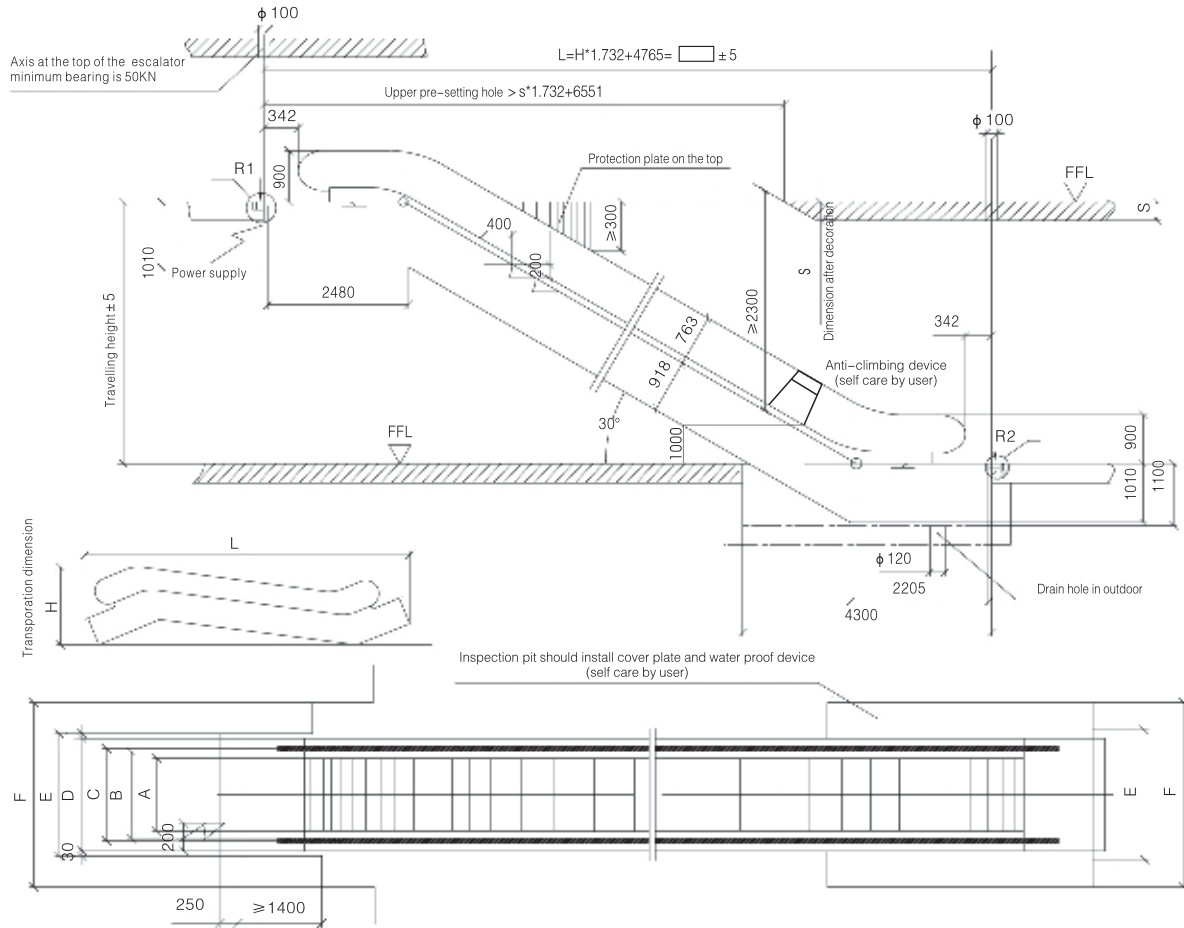
BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG TẢI GIƯỜNG BỆNH CÓ PHÒNG MÁY

MÃ HIỆU	TẢI TRỌNG Kg	TỐC ĐỘ m/phút	KÍCH THƯỚC (mm)			
			Cửa mở JJ x HH	Cabin AA x BB	Hố thang AH x BH	OH/Pit
B1000	1000	60	1000 x 2100	1100 x 2100	1900 x 2550	4200/1400
		90				4400/1500
B1350	1350	60	1100 x 2100	1300 x 2300	2100 x 2800	4200/1400
		90				4400/1500
B1500	1500	60	1200 x 2100	1400 x 2300	2200 x 2800	4200/1400
		90				4400/1500

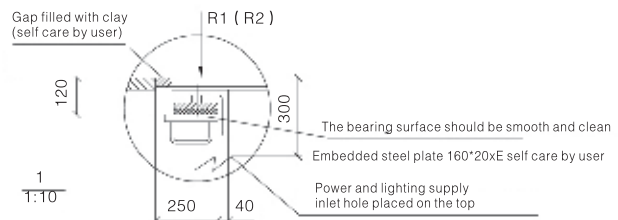
BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG TẢI GIƯỜNG BỆNH KHÔNG PHÒNG MÁY

MÃ HIỆU	TẢI TRỌNG Kg	TỐC ĐỘ m/phút	KÍCH THƯỚC (mm)			
			Cửa mở JJ x HH	Cabin AA x BB	Hố thang AH x BH	OH/Pit
B1000	1000	60	1000 x 2100	1100 x 2100	2000 x 2550	4200/1400
		90				4400/1500
B1350	1350	60	1100 x 2100	1300 x 2300	2200 x 2800	4200/1500
		90				4400/1500
B1500	1500	60	1200 x 2100	1400 x 2300	2300 x 2800	4200/1500
		90				4400/1500

30° Escalator construction layout drawing

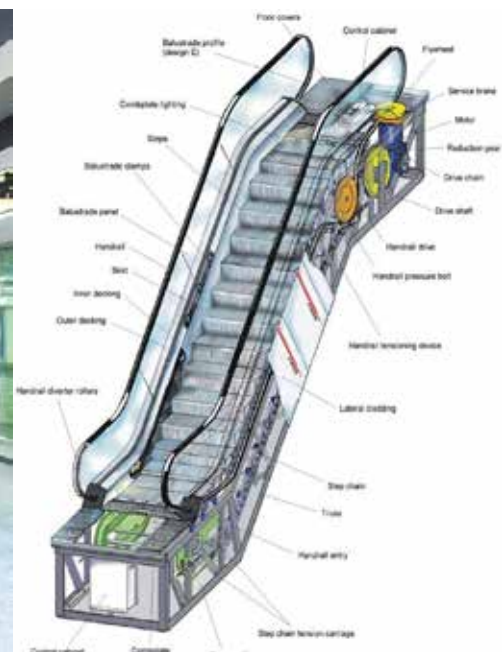


Motor capacity (KW)	Traveling height (Ladder width) 1000		Traveling height (Ladder width) 800		Traveling height (Ladder width) 600	
	1000-3300	5.5	1000-3500	5.5	1000-3700	5.5
	3400-4500	7.5	3600-4700	7.5	3800-4900	7.5
	4600-4900	8	4800-5100	8	5000-5200	8
	5000-5900	11	5200-5900	11	5300-5900	11
1000	1000	1158	1238	1600	1660	2310
800	800	958	1038	1400	1460	2110
600	600	758	838	1200	1260	1910
Step width	A	B	C	D	E	F
Model	Traveling height (mm)		Bearing Capacity		Transporation dimension	
	h	l	R1	R2	h	l
FHE(600)-30 (3600人/h) Speed: 0.5m/s	3000	57	46	41	2750	10900
	3500	60	49	44	2780	11890
	4000	64	52	47	2810	12880
	4500	68	56	50	2830	13870
	5000	71	59	53	2840	14860
	5500	75	62	56	2860	15860
FHE(800)-30 (4800人/h) Speed: 0.5m/s	6000	79	65	59	2870	16860
	3000	59	52	47	2750	10900
	3500	63	56	50	2780	11890
	4000	67	60	54	2810	12880
	4500	71	64	57	2830	13870
	5000	74	68	60	2840	14860
FHE(1000)-30 (6000人/h) Speed: 0.5m/s	5500	82	74	66	2860	15860
	6000	86	78	69	2870	16860
	3000	63	59	53	2750	10900
	3500	67	64	57	2780	11890
	4000	71	68	61	2810	12880
	4500	75	73	65	2830	13870
	5000	83	79	71	2840	14860
	5500	87	84	75	2860	15860
	6000	92	88	79	2870	16860



Instruction

- When the escalator to be installed above the second floor. Don't have a pit. Layout drawing must be matched between up and down
- Keep the sufficient space at both EXIT and ENTRANCE of escalator. The width must be less than 1238. The depth from handrail belt reversed end to the front obstacle must be not less than 2500.
- Space between handrail belt of escalator and obstacle must be not less than 500.
- Motor AC 380 V 50 HZ. See in the table.
- By the user to provide a grounding resistance of less than 4 ohms.
- Provide by user to the main switch of the power requirements of 3 phases 5 wires.
- All the dimensions are measured by MM.





Đầu cửa ngoại nhập



Đầu Cửa Ngoại Nhập

In office buildings, apartment blocks, commercial centers, buildings for rent etc., the number of user is very large, so "How to make a separate space? How to control the lift users? How to manage the lift?" We have two optimal solutions: Magnetic cards system and Fingerprint management system.

Với những tòa nhà văn phòng, chung cư, trung tâm thương mại, tòa nhà cho thuê... Số lượng người sử dụng thang máy rất lớn, làm thế nào để tạo nên một không gian riêng? Làm thế nào để kiểm soát người sử dụng thang máy, quản lý thang máy như thế nào? Chúng tôi đưa ra giải pháp tối ưu: Sử dụng hệ thống thẻ từ hoặc hệ thống quản lý vân tay.

HỆ THỐNG THẺ TỪ / MAGNETIC CARDS SYSTEM

A suitable magnetic card technology and the lift control system are to create a control according to users' need. The cards are programmed to decentralize to different storeys.

Advantages: Easy to install and use, low expense, and being assembled tightly in the lift cabin.

Disadvantages: Limited number of users, only suitable in small buildings.



Sử dụng công nghệ thẻ từ tích hợp cùng hệ thống điều khiển của thang máy để tạo nên sự kiểm soát theo nhu cầu của người sử dụng thang máy. Các thẻ được lập trình sao cho có thể phân quyền cho từng tầng khác nhau.

Ưu điểm: Cài đặt và sử dụng dễ dàng, được lắp kín trong cabin thang máy, giá thành thấp.

Nhược điểm: Giới hạn số lượng người được kiểm soát, chỉ đáp ứng được cho những tòa nhà nhỏ.

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT VÂN TAY / FINGERPRINT MANAGEMENT SYSTEM

Fingerprint management system uses fingerprint registration of users. The manager can exactly manage the number of people in the building, participation each day, each month.

Advantages: Able to control detailed lift-used time of users, unlimited management in the quantity of users, appropriate for big buildings.

Disadvantages: Need a management computer system, complicated registration, qualified managers, high expense.

Hệ thống kiểm soát vân tay sử dụng đăng ký vân tay cho mỗi người sử dụng, người quản lý có thể quản lý chính xác được số lượng người trong tòa nhà, số lượt đi lại trong ngày, trong tháng.

Ưu điểm: Quản lý chi tiết thời gian của đối tượng được đăng ký, khả năng quản lý số lượng người không hạn chế, đáp ứng được cho những tòa nhà lớn, cao tầng.

Nhược điểm: Cần thiết thêm hệ thống quản lý bằng máy tính, khai báo đăng ký phức tạp, cần người quản lý có trình độ, giá thành cao.

HỆ THỐNG CAMERA GIÁM SÁT / SURVEILLANCE CAMERA SYSTEM

The system is integrated with the lift control system, connected with camera system of the building. It surveys, records images of lift using subjects in the building.

Được tích hợp cùng hệ thống điều khiển thang máy, kết nối cùng hệ thống camera của tòa nhà. Giám sát, ghi hình các đối tượng sử dụng thang máy trong tòa nhà.



- **Tận tâm** phục vụ là **sứ mệnh**
- Phát triển **bền vững** là **tầm nhìn**
- Chất lượng **toàn diện** là **giá trị cốt lõi**

TRI DUC ELEVATOR

0903 735 486

thangmaytriduc.vn